**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II– NĂM HỌC 2023 - 2024.**

**Môn: Lịch sử & Địa lí- Lớp 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
|  | **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KÌ XVIII-XIX** | Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX đối với xã hội loài người. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
|  | **TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng Tân Hợi.  Nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy Tân Minh Trị.  Biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX | 4TN | ½ TL |  | ½ TL | 30%=3 điểm |
|  | **ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.  Một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |  |  | 1TL |  | 10%=1,0 điểm |
|  | **VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Sự ra đời của nhà Nguyễn.  Những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
| **Số câu/loại câu** | | | 8TN | 1/2TL | 1TL | 1/2TL | 10 câu (8TN; 2TL) |
| **Tỉ lệ** | | | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG** | Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam | 4TN\*  (1đ) |  |  | 1TL\*a  (0,5đ) | 15%  1,5  điểm |
| 2 | **ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT**  **VIỆT NAM** | Đặc điểm chung của sinh vật  Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam | 4TN\*  (1đ) | 1TL  (1,5đ) | 1 TL\*b  (1đ) |  | 35%  3,5  điểm |
| **Số câu/loại câu** | | | 8 câu  TN | 1 câu TL | ½ câu TL | ½ câu  TL | 10 câu  (8TN, 2TL) |
| **Tỉ lệ** | | | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| **Tổng chung** | | | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II– NĂM HỌC 2023 - 2024.**

**Môn: Lịch sử & Địa lí- Lớp 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | |
|  | **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KÌ XVIII-XIX** | Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX đối với xã hội loài người. | *\*Nhận biết*  Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.  *\*Thông hiểu*  - Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.  *\*Vận dụng*  - Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
|  | **TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng Tân Hợi.  Nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy Tân Minh Trị.  Biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX | *Nhận biết*  - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi năm 1911.  - Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị.  *\*Thông hiểu*  - Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.  - Giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.  - Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị.  - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX  \*Vận dụng cao  Tác động của cuộc Duy tân Minh Trị và các mạng Tân Hợi đến tình hình Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX | 4TN | ½ TL |  | ½ TL | 30%=3 điểm |
|  | **ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.  Một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | *\*Nhận biết*  - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.  *\*Vận dụng*  - Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |  |  | 1TL |  | 10%=1,0 điểm |
|  | **VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Sự ra đời của nhà Nguyễn.  Những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX. | *\*Nhận biết*  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.  *\*Thông hiểu*  - Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.  - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | |
| **1** | **ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG** | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  – Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  – Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  **Vận dụng**  – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. | 4TN\*  (1đ) |  |  | 1TL\*a  (0,5đ) | 15%  1,5  điểm |
| **2** | **ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM** | – Đặc điểm chung của sinh vật  – Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh h ở Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố của của sinh vật  **Thông hiểu**  – Chứng minh được phân bố của của sinh vật  – Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.  **Vận dụng**  – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | 4TN\*  (1đ) | 1TL  (1,5đ) | 1 TL\*b  (1đ) |  | 35%  3,5  điểm |
| **Số câu/loại câu** | | | | 8 câu  TN | 1 câu TL | ½ câu TL | ½ câu  TL | 10 câu  (8TN, 2TL) |
| **Tổng số** | | | | 16TN | 1, ½ TL | 1, ½ TL | 1 TL | 16 TN, 4TL |
| **Tỉ lệ** | | | | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

|  |  |
| --- | --- |
|  | . |
|  |